

TS Phan Đ ng B o Linh - Khoa N i TM

1. Gi i Thi u

Can thi p đ ng m ch vành (ĐMV) đ c s đ ng đ đ u tr m t lo i b nh tim g i là x v a đ ng m ch. X v a đ ng m ch là s tích t ch m c a các m ng bám m trong thành m ch máu gây h p hay t c lòng ĐMV.

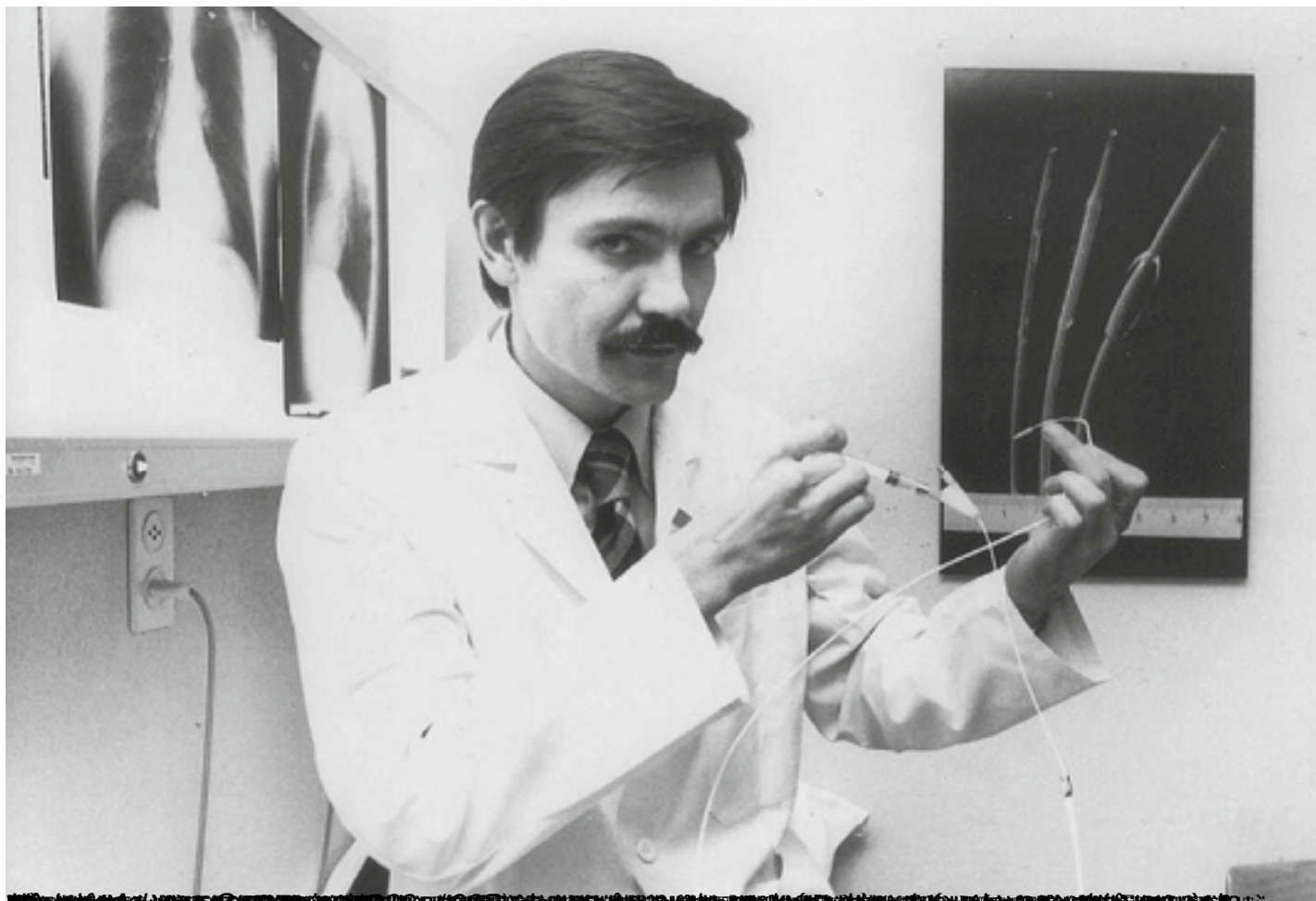
Nong m ch vành b ng bóng hay b ng stent đ u đ c g i là can thi p m ch vành qua da, là m t th thu t đ c s đ ng đ m ĐMV b h p hay t c. Th thu t này liên quan đ n vi c t m th i chèn và b m m t bóng và/ ho c stent t i n i ĐMV b t c đ giúp m r ng l i đ ng m ch b t n th ng.

Đ u tr NMCT b ng ph ng pháp can thi p ĐMV qua da l n đ u tiên đ c Andreas Gruenzig t n hành thành công vào tháng 9/1977 t i Th y Sĩ.

Khai i l c v c n thi p đ ng m ch v n h qua d a

Vi t b i Bi n t p vi n

Th ba, 13 Th ng 1 2015 09:34 - L n c p nh t cu i Th ba, 13 Th ng 1 2015 09:48

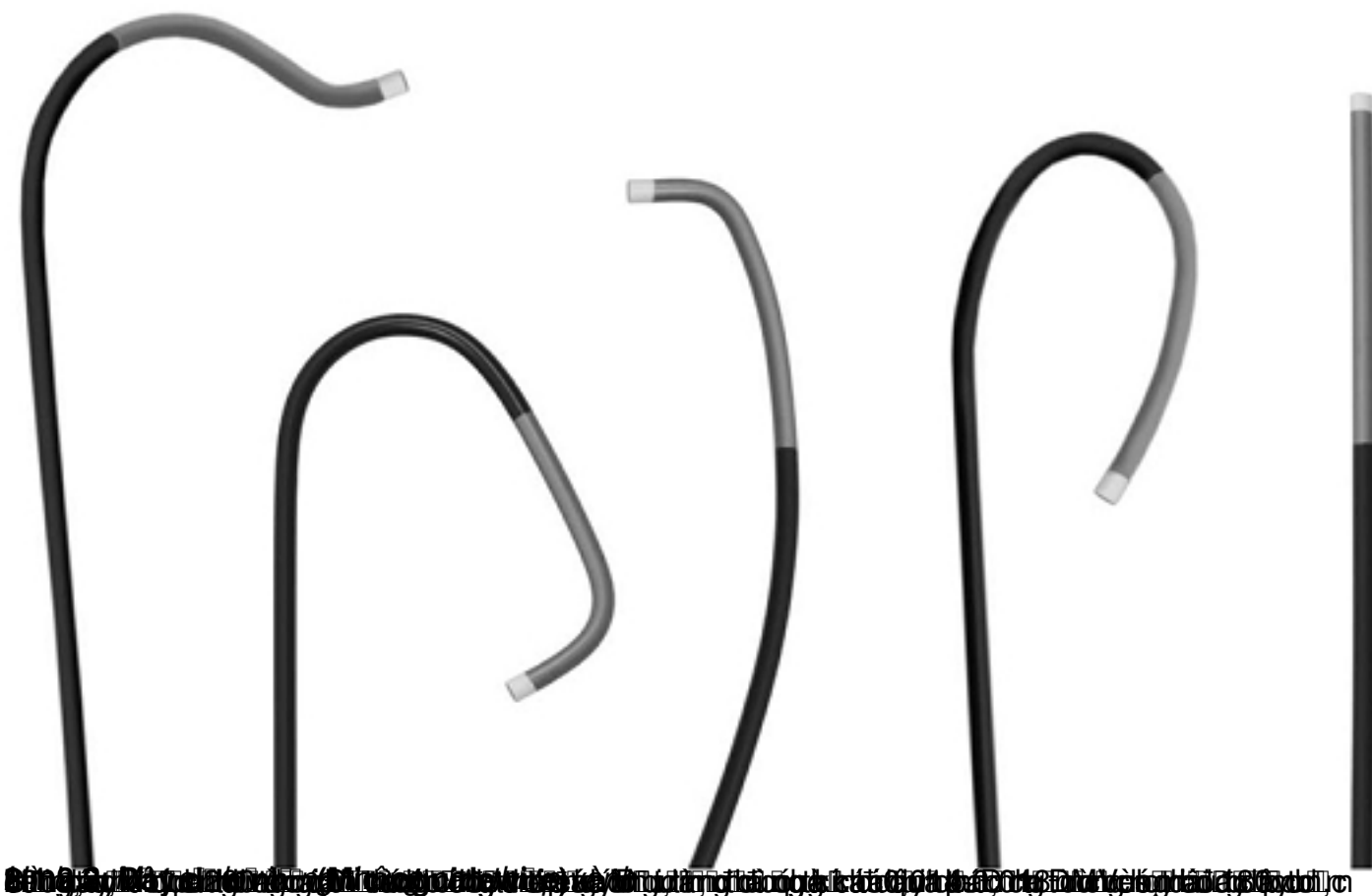


Ch n h p c g p n g n a g n d e p m i n p r s s d u n d a g d i p h a s, E v d n a b a c a u p, H o c k e y i s t u c k h i n h o q u a

Khai i l c v c n thi p đ ng m ch v n h qua d a

V i t b i Bi n t p vi n

Th ba, 13 Th ng 1 2015 09:34 - L n c p nh t cu i Th ba, 13 Th ng 1 2015 09:48



Thứ ba, 13 Tháng 1 2015 09:34 - Lần cập nhật cuối Thứ ba, 13 Tháng 1 2015 09:48

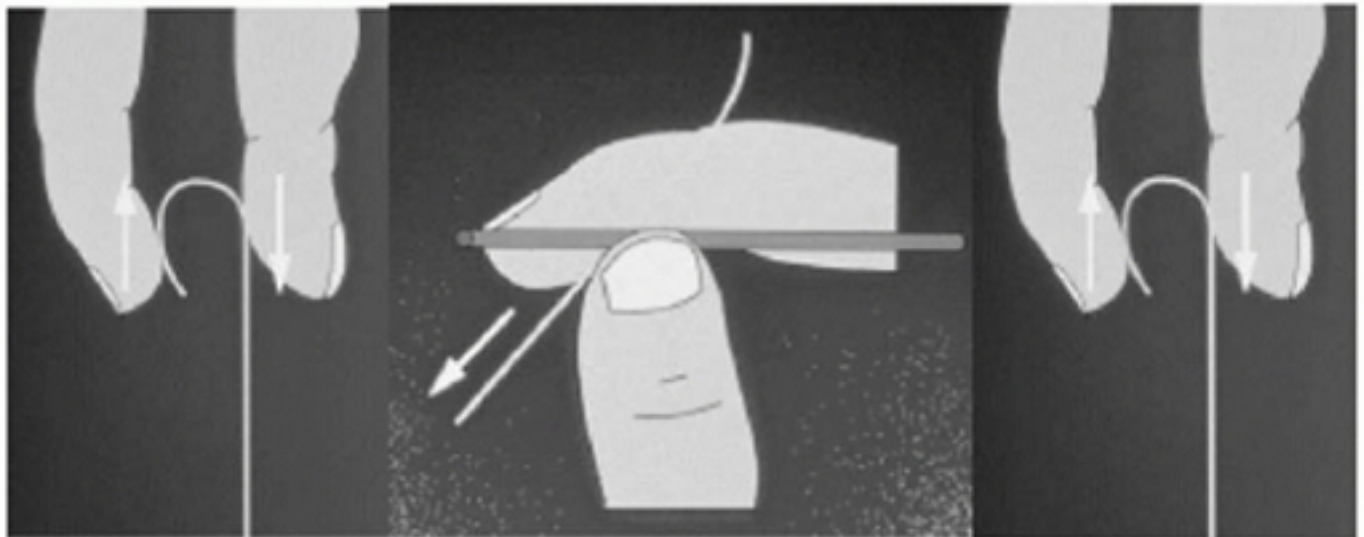


Figure 2. The change of the SO_4^{2-} and NO_3^- concentrations in the precipitation during the period of the study.



Bóng chưa bơm

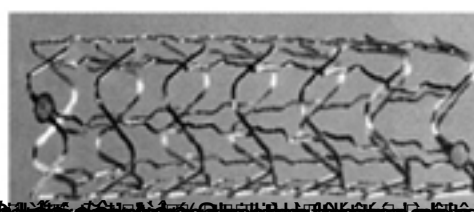
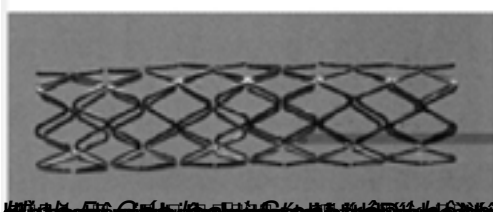
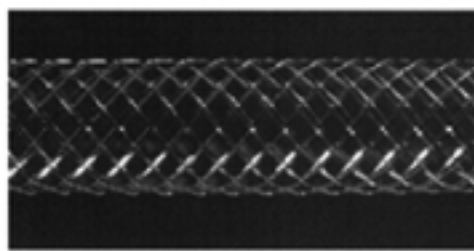
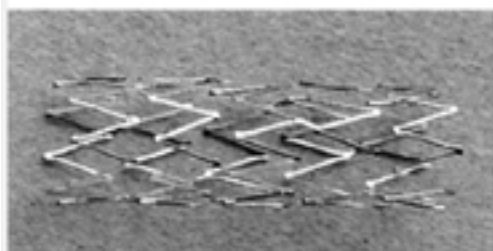
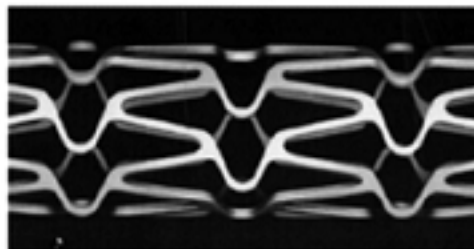
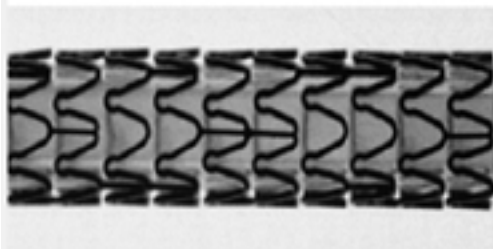
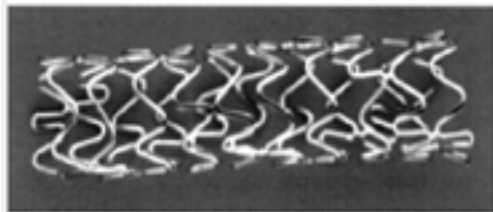
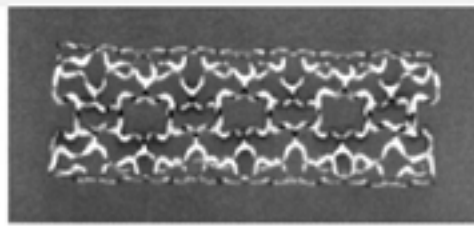
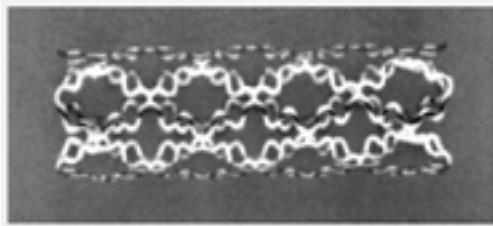
Bóng đã bơm



Đầu ống thông bóng

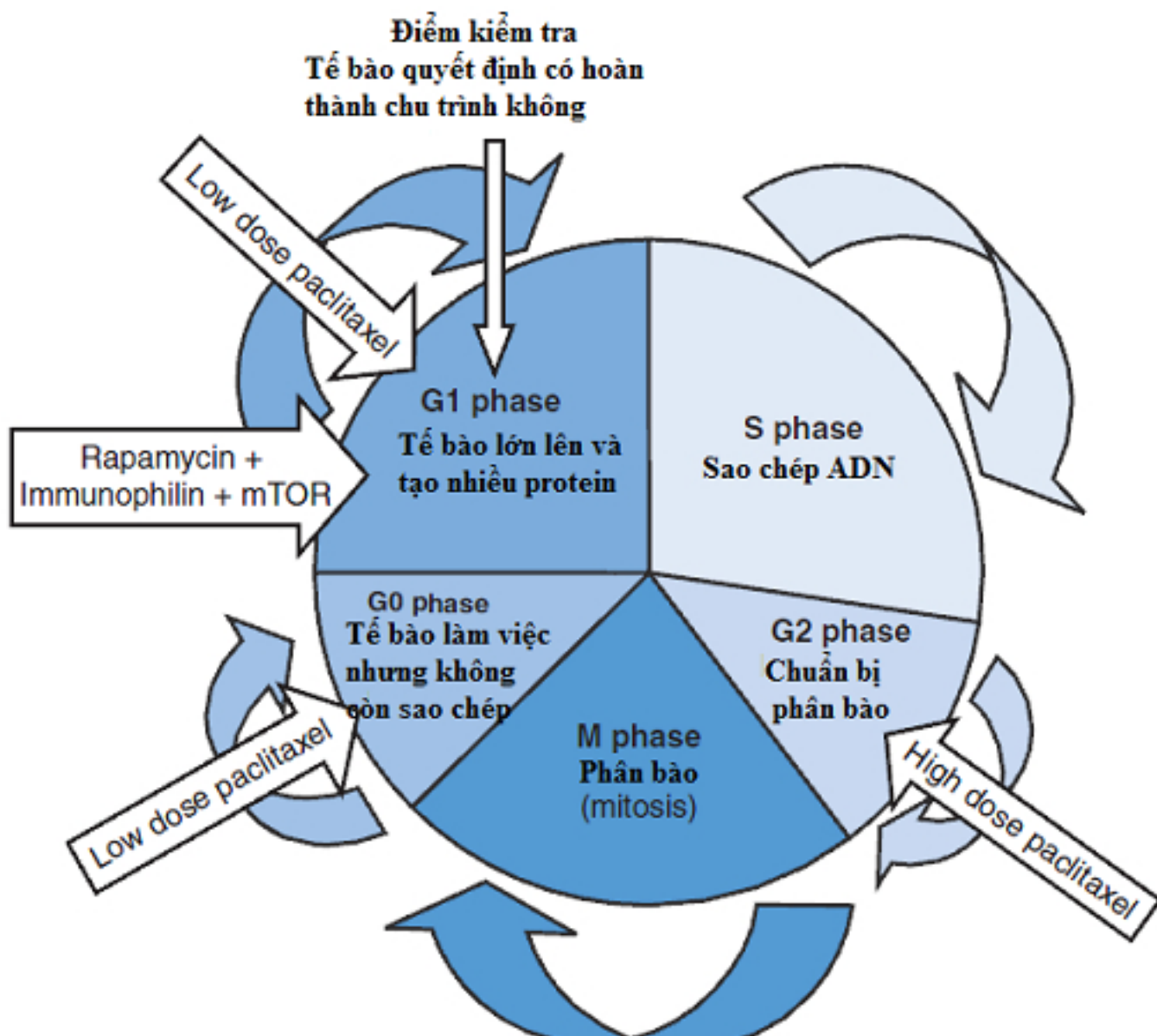
**Đuôi ngoài ống
thông bóng**

~~Đuôi ngoài ống thông bóng (catheter) là một thiết bị y tế dùng để đưa thuốc hoặc dịch vào cơ thể người bệnh. Nó có một đầu nhỏ (đầu ống thông) được đưa vào cơ thể và một đầu lớn (đuôi ngoài) được đưa ra ngoài cơ thể. Đuôi ngoài ống thông bóng có thể được dùng để đưa thuốc hoặc dịch vào cơ thể người bệnh hoặc để lấy mẫu máu hoặc dịch từ cơ thể người bệnh.~~



T m thi t k stent kim lo i tr n đ u ti n. H ng đ u Stent v u ng mi n (b n tr i), Stent ti u v u ng mi n (b n ph i). Th r h i k t i p. Stent CrossFlex LC (b n tr i), Stent BX (b n ph i). H ng th r b a. Stent Duet (b n tr i), Stent NIR (b n ph i). Th r t l i n t i p. Stent Radius (b n tr i), Stent Wall (b n ph i). D ng ph i d u i. Stent GFX (b n tr i), Stent Be (b n ph i).





B ng 1 Đ c đi m hai lo i Stent phủ thu c đư c chấp thu n	
Stent phủ Sirolimus (Cypher)	Stent phủ Paclitaxel (TAXUS)
Stent platform	Stent platform
Bx Velocity	Express 2
316L stainless steel (thép không rỉ)	316L stainless steel (thép không rỉ)
Closed cell design (kiểu tế bào đ ng)	Open cell design (kiểu tế bào mở)
Strut thickness: 140 μm (độ dày thanh)	Strut thickness: 130 μm
Túi thuốc bằng Polymer	Túi thuốc bằng Polymer
Không tiêu (Nonbiodegradable)	Nonbiodegradable
PEVA và PBMA	Translute
Elastomeric (nhựa đàn hồi)	Elastomeric
Topcoat design (kiểu phủ nhẹ)	Matrix design (kiểu phủ matrix)
Phóng thích nhanh ($t_{1/2} = 8$ ngày)	Phóng thích chậm

Thuốc	
Sirolimus	Paclitaxel
Mật độ thuốc: 140 $\mu\text{g}/\text{cm}^2$	Mật độ thuốc: 100 $\mu\text{g}/\text{cm}^2$
Có hiệu lực sinh học	Có hiệu lực sinh học
Ái lực cao với FKBP12 ngoại bào	Ái lực cao β -tubulin liên kết (binding)
Tạo quá nhiều cyclin-dependent kinase p27Kip1	Ổn định trùng hợp tubulin
Chu kỳ tế bào dừng ở G1/S phase	Chu kỳ tế bào dừng ở G2/M phase
Tỷ lệ liều pháp rộng: >7 lần (dose-density)	Tỷ lệ liều pháp hẹp: <4 lần (dose-density)
Đặc tính lý hóa	
Lipophilic (hiếu mỡ)	Lipophilic
Hòa tan $\sim 6 \mu\text{g}/\text{mL}$	Hòa tan $\sim 6 \mu\text{g}/\text{mL}$
Phân tử khối 914 Da	Phân tử khối $<1 \text{ kDa}$
Đặc tính gắn Protein	Đặc tính gắn Protein
Nồng độ FKBP12 trong tế bào cơ trơn (10 to 5 M)	Nồng độ Microtubule trong thành mạch (10^{-5} M)
Phân phối đều qua động mạch	Chủ yếu dưới nội mạc

Theo Textbook of Cardiovascular Intervention (còn tiếp)